

Số: /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

**Dự án thành phần số 5: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn
tỉnh Kiên Giang thuộc Dự án Công trình trữ nước và hệ thống
cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm,
vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2014/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 3356/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021; số 3462/QĐ-BNN-KH ngày 13/9/2022; số 4974/QĐ-BNN-KH ngày 21/12/2022 về phê duyệt Chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn;

Căn cứ văn bản số 2121/UBND-KT ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thực hiện dự án đầu tư công trình cấp nước tập trung nông thôn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ công văn số 2382/UBND-KT ngày 15/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cam kết đầu nối sử dụng nước sạch nông thôn từ dự án đầu tư công thuộc dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn;

Căn cứ tờ trình số 897/TTr-TNN ngày 27/12/2022 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Kiên Giang về việc cam kết đầu nối sử dụng

nước sạch nông thôn từ dự án đầu tư công thuộc Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn;

Căn cứ Quyết định số 2917/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn;

Xét Tờ trình số 95/TTr-NS ngày 18/04/2023 của Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần số 5: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi kèm theo báo cáo thẩm định số 466/BC-TL-QH ngày 05/5/2023 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án thành phần số 5: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Dự án thành phần số 5: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Kiên Giang.

2. Cấp quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Kiên Giang.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ

Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung phục vụ cấp nước sinh hoạt cho người dân nông thôn tại những vùng khó khăn, khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, trong đó cấp nước mới cho 14.093 hộ dân (dự kiến đến năm 2030 là 15.419 hộ dân).

5. Quy mô đầu tư xây dựng

Xây dựng mới 09 công trình cấp nước tập trung nông thôn, cụ thể:

(1) Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương với công suất 1.200 m³/ngày đêm;

(2) Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương với công suất 697 m³/ngày đêm;

(3) Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành với công suất 1.200 m³/ngày đêm;

(4) Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung liên xã Tây Yên, Tây Yên A, huyện An Biên với công suất 2.400 m³/ngày đêm;

(5) Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung xã Đông Hưng B, huyện An Minh với công suất 1.200 m³/ngày đêm;

(6) Xây dựng mới công trình trữ nước xã Hòn Nghệ, huyện Kiên Lương;

(7) Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung xã đảo Hòn Tre, huyện Kiên Hải với công suất 480 m³/ngày đêm;

(8) Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận với công suất 1.200 m³/ngày đêm;

(9) Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao với công suất 1.200 m³/ngày đêm;

- Sơ đồ dây chuyền công nghệ đối với công trình khai thác nước mặt: Nguồn nước mặt - Hồ chứa nước thô - Trạm bơm nước thô - Tuyến ống nước thô - Thiết bị trộn hoá chất (Static Mixer) - Bể phản ứng thủy lực + lắng lamen - Bể lọc nhanh trọng lực - Khử trùng - Trạm bơm nước sạch - Mạng lưới tiêu thụ. Riêng công trình xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung xã đảo Hòn Tre, huyện Kiên Hải, do nguồn nước có chỉ tiêu hữu cơ (chỉ số BOD và COD) cao hơn QCVN 08:2015/BTNMT nên bố trí thêm công đoạn Clo hoá sơ bộ để xử lý ô nhiễm hữu cơ: Nước mặt suối áp 3 - Trạm bơm nước thô - Clo hóa sơ bộ - Tuyến ống nước thô - Thiết bị trộn hoá chất (Static Mixer) - Bể phản ứng thủy lực+lắng lamen - Bể lọc nhanh trọng lực - Khử trùng - Trạm bơm nước sạch - Mạng lưới tiêu thụ. Công nghệ xử lý nước theo TCXDVN 33:2006.

- Sơ đồ dây chuyền công nghệ công trình khai thác nguồn nước dưới đất gồm: Giếng khoan - Ống nước thô - Tháp làm thoáng tải trọng cao - Bể lắng tiếp xúc - Bể lọc nhanh trọng lực - Khử trùng - Bể chứa nước sạch - Trạm bơm nước sạch - Mạng lưới tiêu thụ. Riêng công trình xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung liên xã Tây Yên, Tây Yên A, huyện An Biên do chất lượng nguồn nước dưới đất khu vực có chỉ tiêu sắt và mangan vượt QCVN 09:2015/BTNMT áp dụng dây chuyền công nghệ xử lý như sau: Giếng khoan - Ống nước thô - Tháp làm thoáng tải trọng cao - Bể phản ứng thủy lực - Bể lắng lamen - Bể lọc nhanh trọng lực - Khử trùng - Bể chứa nước sạch - Trạm bơm nước sạch - Mạng lưới tiêu thụ. Công nghệ xử lý nước theo TCXDVN 33:2006.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

6. Trách nhiệm đầu tư

6.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đầu tư công trình đầu mối, trạm xử lý, đường ống chính đối với 05 công trình xây dựng mới tại khoản 5 Điều này (công trình từ số (1) đến số (5));

Đầu tư công trình đầu mối, trạm xử lý đối với 04 công trình xây dựng mới

khoản 5 Điều này (công trình từ số (6) đến số (9));

6.2. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Đầu tư đường ống (sau đường ống Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đầu tư) và đầu nối hộ gia đình đối với 05 công trình xây dựng mới tại khoản 5 Điều này (công trình từ số (1) đến số (5)).

Đầu tư toàn bộ mạng đường ống đối với 04 công trình xây dựng mới khoản 5 Điều này (công trình từ số (6) đến số (9)).

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

7. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

8. Địa điểm xây dựng: Tại tỉnh Kiên Giang.

9. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

10. Loại, cấp công trình

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Công trình cấp III.

11. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

- Thiết kế cơ sở.
- Thiết kế bản vẽ thi công.

12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

13. Tổng mức đầu tư: 130.557.880.000 đồng (Một trăm ba mươi tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	99.303.225.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	16.163.119.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.150.106.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.272.382.000 đồng
- Chi phí khác:	1.112.997.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	3.556.051.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục IV-1, V kèm theo)

Tổng mức đầu tư trên tính cho các hạng mục do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư, chưa bao gồm các hạng mục do tỉnh Kiên Giang chịu trách nhiệm đầu tư (tại điểm 6.2 khoản 6 Điều này) để đảm bảo đồng bộ công trình.

14. Nguồn vốn đầu tư

Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý đầu tư.

15. Tiến độ thực hiện dự án: 4 năm, tính từ ngày khởi công.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

17. Điền bù giải phóng mặt bằng:

Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án là: 681.290 m², trong đó:

- Diện tích đất sử dụng vĩnh viễn: 100.490 m².
- Diện tích đất sử dụng tạm thời: 580.800 m².

18. Những lưu ý trong giai đoạn sau

- Rà soát toàn bộ các ý kiến tham gia của Cục Thủy lợi, Vụ Kế hoạch (các báo cáo, văn bản thẩm định, tham gia ý kiến,...) để thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật, tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan;

- Rà soát tổng mức đầu tư, phương án thiết kế cơ sở, khảo sát địa hình, địa chất (bao gồm cả các phương án khác nhau phục vụ so chọn hướng, tuyến của các đường ống chính), đánh giá khả năng nguồn cấp nước tại thời điểm lập thiết kế bản vẽ thi công để làm cơ sở tính toán chính xác quy mô, phạm vi, hướng, tuyến đường ống chính phù hợp với tính chất kỹ thuật, điều kiện địa hình, địa chất cho từng trạm cấp nước cụ thể đảm bảo về mặt kinh tế - kỹ thuật và giảm thiểu chi phí trong quản lý, vận hành;

- Về biện pháp thi công: Lập chi tiết biện pháp thi công cho các hạng mục công trình phù hợp với điều kiện địa hình, tiết kiệm chi phí, đảm bảo kỹ thuật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cấp quyết định đầu tư, Bộ giao nhiệm vụ:

- Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn có trách nhiệm: thanh quyết toán kinh phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án (lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và lập báo cáo nghiên cứu khả thi); bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan của giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho Chủ đầu tư Dự án thành phần số 5.

- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Kiên Giang (Chủ đầu tư Dự án thành phần số 5):

+ Báo cáo cấp có thẩm quyền cập nhật Dự án thành phần số 5 vào trong Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Chỉ triển khai các bước tiếp theo của Dự án thành phần số 5 khi: (i) Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt đầu tư các công trình, hạng mục tại điểm 6.2 khoản 6 Điều 1 và bố trí đủ nguồn vốn trong giai đoạn 2021-2025 để đầu tư các hạng mục nêu trên, đảm bảo đồng bộ với các hạng mục do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư; (ii) Các hạng mục công trình đã được cập nhật trong quy hoạch tỉnh và được duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư các công trình, hạng mục thuộc trách nhiệm đầu tư của tỉnh tại điểm 6.2 khoản 6 Điều 1 (dự kiến khoảng 73,880 tỷ đồng); bố trí đủ nguồn vốn trong giai đoạn 2021-2025 và tổ chức thực hiện đầu tư các hạng mục trên đảm bảo đồng bộ với các hạng mục do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư;

(Chi tiết tại Phụ lục IV-2 kèm theo)

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy định hiện hành, đảm bảo theo đúng tiến độ chung của Dự án thành phần số 5;

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện lộ trình điều chỉnh giá nước sạch theo quy định đảm bảo hoạt động hiệu quả của công trình; ban hành chính sách bù giá nước sạch trong trường hợp chưa thực hiện lộ trình điều chỉnh giá nước sạch theo thẩm quyền.

- Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác công trình sau khi xây dựng hoàn thành; xây dựng cơ chế tài chính để quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa công trình theo quy định của pháp luật để đảm bảo hoạt động bền vững, phát huy hiệu quả đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Kiên Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Kho bạc NN tỉnh Kiên Giang;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TL. (20b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp